## **BÀI 2: DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ**

## **PHẦN TRẮC NGHIỆM**

### **PHẦN 1: NHẬN BIẾT**

**Câu 1:** Vào cuối những năm 50 của Thế kỉ XX, nước ta bắt đầu có hiện tượng

A. đô thị hóa tự phát.

B. bùng nổ dân số.

C. ô nhiễm môi trường.

D. công nghiệp hóa.

**Câu 2:** Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu và kết thúc vào thời gian nào?

A. Bắt đầu từ cuối những năm 50 và kết thúc vào những năm cuối của thế kỉ XX.

B. Bắt đầu từ đầu những năm 80 và kết thúc vào những năm đầu của thế kỉ XIX.

C. Bắt đầu từ đầu những năm 50 và kết thúc vào những năm cuối của thế kỉ XX.

D. Bắt đầu từ cuối những năm 80 và kết thúc vào những năm đầu của thế kỉ XIX

**Câu 3:** So sánh với quy mô dân số của các nước trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, Việt Nam là nước có

A. dân số đông.

B. dân số ít.

C. dân số trẻ.

D. dân số già.

**Câu 4:** Hiện nay, dân số nước ta đứng thứ bao nhiêu trên thế giới?

A. 13

B. 15.

C. 14.

D. 10.

**Câu 5:** Trước đây, tỉ số giới tính của nước ta mất cân đối do nguyên nhân chủ yếu nào

A. Dịch bệnh lây lan.

B. Đô thị hóa tự phát.

C. Chiến tranh kéo dài.

D. Phân bố dân cư hợp lí.

**Câu 6:** Chiến tranh kéo dài làm cho tỉ số giới tính nước ta thay đổi như thế nào?

A. Không thay đổi.

B. Nam nhiều hơn nữ.

C. Tăng lên.

D. Mất cân đối.

**Câu 7:** Tỉ số giới tính thường cao ở những khu vực có hiện tượng:

A. chuyển cư.

B. xuất cư.

C. đô thị hóa.

D. nhập cư.

**Câu 8**: Khu vực Tây Nguyên của nước ta lại có tỉ số giới tính cao do

A. chuyển cư.

B. xuất cư.

C. đô thị hóa.

D. nhập cư.

**Câu 9:** Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta có xu hướng giảm chủ yếu là nhờ

A. thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

B. chủ trương xóa đói giảm nghèo, phân bố lại dân cư.

C. làm tốt phong trào xóa mù chữ ở vùng núi và trung du.

D. thực hiện chủ trương đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa.

**Câu 10:** Nhờ việc thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta đã

A. tăng lên.

B. không có sự thay đổi.

C. giảm xuống.

D. xuống mức âm.

**Câu 11**: Hiện nay, tỉ số giới tính của nước ta đang tiến tới cân bằng hơn chủ yếu là nhờ

A. quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

B. cuộc sống hòa bình, ổn định.

C. chính sách kế hoạch hóa gia đình.

D. công cuộc Đổi mới kinh tế.

**Câu 12:** Tỉ số giới tính của nước ta có đặc điểm gì?

A. Ngày càng có sự mất cân bằng.

B. Chịu ảnh hưởng mạnh của hiện tượng chuyển cư ở một số địa phương.

C. Cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng.

D. Các tỉnh thuộc Tây Nguyên có tỉ số giới tính thấp.

**Câu 13:** Tỉ số giới tính thấp nhất ở các tỉnh thuộc

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đông Nam Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 14:** Tỉnh, thành phố nào dưới đây có tỉ số giới tính cao nhất?

A. Quảng Ninh.

B. TP Hà Nội.

C. Thanh Hóa.

D. Cà Mau.

**Câu 15:** Biểu hiện của cơ cấu dân số trẻ là

A. nhóm tuổi dưới 15 chiếm tỉ lệ thấp.

B. nhóm tuổi dưới 15 chiếm tỉ lệ cao.

C. nhóm tuổi trên 60 chiếm tỉ lệ cao.

D. tuổi thọ trung bình của người dân cao.

### **PHẦN 2: THÔNG HIỂU**

**Câu 1:** Hiện nay, nước ta có cơ cấu dân số

A. trẻ.

B. già.

C. vàng.

D. ổn định.

**Câu 2**: Cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta đang có sự thay đổi theo hướng:

A. Nhóm tuổi dưới 15 tăng lên, nhóm tuổi trên 60 giảm.

B. Nhóm tuổi dưới 15 giảm xuống, nhóm tuổi trên 60 tăng.

C. Nhóm tuổi từ 15 – 59 tăng lên, nhóm tuổi trên 60 giảm.

D. Nhóm tuổi dưới 15 và nhóm tuổi trên 60 tăng lên.

**Câu 3:** Cơ cấu dân số theo tuổi ở nước ta đang thay đổi theo hướng

A. trẻ hóa.

B. già hóa.

C. cân bằng.

D. mất cân bằng.

**Câu 4:** Nhân tố nào sau đây không tác động đến tỉ số giới tính của nước ta?

A. Chiến tranh.

B. Sự hòa bình, ổn định.

C. Quy mô dân số.

D. Các luồng xuất cư, nhập cư.

**Câu 5:** Hiện nay nhân tố nào tác động mạnh đến tỉ số giới tính ở vùng Đồng bằng sông Hồng và Tây Nguyên?

A. Tỉ lệ gia tăng dân số.

B. Chiến tranh.

C. Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

D. Chuyển cư.

**Câu 6**: Đâu không phải là vai trò chủ yếu của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta?

A. Giải quyết tốt hơn vấn đề việc làm.

B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế.

C. Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

D. Giảm sức ép về vấn đề tài nguyên và môi trường.

**Câu 7:** Đâu không phải là hậu quả của vấn đề tỉ số giới tính cao?

A. Ảnh hưởng đến nguồn lao động trong tương lai.

B. Tạo nên nguồn lao động có sức mạnh.

C. Gia tăng tình trạng bất bình đẳng giới.

D. Ảnh hưởng đến vấn đề hôn nhân gia đình trong tương lai.

**Câu 8**: Lợi ích của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta là

A. tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt.

B. chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện.

C. tình trạng ô nhiễm môi trường gia tăng.

D. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 9**: Tỉ số giới tính cao sẽ gây ra hậu quả gì trong tương lai?

A. Cơ cấu dân số già đi.

B. Ảnh hưởng đến nguồn lao động trong tương lai.

C. Cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

D. Số dân thành thị tăng cao.

**Câu 10:** Ở khu vực nông thôn, miền núi nước ta có tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao, nguyên nhân **không** phải do:

A. Trình độ dân trí thấp.

B. Quan niệm truyền thống về sinh đẻ.

C. Chất lượng cuộc sống tốt.

D. Kết hôn sớm.

**Câu 11:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho khu vực nông thôn, miền núi có tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao là gì?

A. Trình độ dân trí thấp.

B. Tuổi thọ trung bình thấp.

C. Kết hôn sớm.

D. Kinh tế kém phát triển.

**Câu 12:** Cho bảng số liệu:

Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta qua các năm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số dân ( nghìn người) | Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%) |
| 2000 | 77 635 | 1.36 |
| 2005 | 82 392 | 1.31 |
| 2010 | 86 947 | 1.03 |
| 2015 | 91 713 | 0.94 |

Nhận xét **không đúng** về tình hình dân số nước ta là

A. Tổng số dân tăng liên tục và khá nhanh.

B. Dân số nước ta tăng lên khá nhanh nhưng còn biến động.

C. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm liên tục.

D. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm xuống đạt mức dưới 1%.

### **PHẦN 3: VẬN DỤNG**

**Câu 1:** Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta có xu hướng giảm và tương đối thấp nhưng dân số nước ta vẫn tăng thêm mỗi năm khoảng 1 triệu người, nguyên nhân là do

A. Đời sống nhân dân được nâng cao, y tế phát triển.

B. Dân số nước ta đông, số người trong độ tuổi sinh đẻ cao.

C. Tỉ số giới tính thấp (số nữ nhiều hơn nam).

D. Nền kinh tế phát triển và có nhiều đổi mới.

**Câu 2:** Tại sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của nước ta giảm nhưng dân số vẫn tăng lên?

A. do tỉ lệ gia tăng tự nhiên có sự khác nhau giữa các vùng.

B. do tỉ lệ gia tăng tự nhiên vẫn lớn hơn 0.

C. do chính sách kế hoạch hóa của nhà nước.

D. do hiện tượng bùng nổ dân số ở giai đoạn trước.

**Câu 3:** Dân số ở nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi đặt ra những vấn đề cấp bách nào?

A. Xây dựng các nhà dưỡng lão, các khu dân trí.

B. Văn hóa, y tế, giáo dục và giải quyết việc làm trong tương lai.

C. Giải quyết việc làm, vấn đề xã hội, an ninh.

D. Các vấn đề trật tự an ninh và các vấn đề văn hóa, giáo dục.

**Câu 4:** Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là

A. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.

C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng.

D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 5**: Dân số thành thị tăng nhanh, không phải vì:

A. Gia tăng tự nhiên cao

B. Do di dân vào thành thị

C. Do tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ

D. Nhiều đô thị mới hình thành

**Câu 6**: Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta chấm dứt trong khoảng thời gian nào?

A. Những năm cuối thế kỉ XIX.

B. Những năm cuối thế kỉ XX.

C. Những năm đầu thế kỉ XIX.

D. Những năm đầu thế kỉ XX.

**Câu 7:** Trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ sinh giảm là do

A. Nhà nước không cho sinh nhiều

B. Tâm lý trọng nam khinh nữ không còn

C. Số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản giảm

D. Thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình.

**Câu 8:** Tại sao trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp mà tổng số dân lại tăng nhanh?

A. Tỷ lệ tử ít

B. Tổng số dân đã quá nhiều

C. Nền kinh tế phát triển

D. Ý A, B đúng.

**Câu 9:** Tại sao ở những năm 50, tỷ lệ gia tăng dân số rất cao mà tổng dân số nước ta lại thấp?

A. Tỷ lệ tử nhiều

B. Tổng số dân ban đầu còn thấp

C. Nền kinh tế chưa phát triển

D. Ý A, B đúng.

**Câu 10:** Nói Việt Nam là một nước đông dân là vì

A. Việt Nam có 79,7 triệu người (2002)

B. Lãnh thổ đứng thứ 58 về diện tích.

C. Dân số đứng thứ 13 trên thế giới

D. Lãnh thổ hẹp, dân số nhiều.

### **PHẦN 4: VẬN DỤNG CAO**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu

Tỉ suất sinh và tỉ suất tử của dân số nước ta thời kỳ 1979- 1999 (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm/ Tỉ suất** | 1979 | 1999 |
| **Tỉ suất sinh** | 32.5 | 19.9 |
| **Tỉ suất tử** | 7.2 | 5.6 |

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số năm 1979 và 1999 (%) lần lượt là:

A. 2,5 và 1,4

B. 2,6 và 1,4

C. 2,5 và 1,5

D. 2,6 và 1,5

**Câu 2:** Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ khi nào

A. Cuối những năm 40

B. Cuối những năm 50 của thế kỉ XX

C. Cuối những năm 60

D. Cuối những năm 70 của thế kỉ XX

**Câu 3**: Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh

A. Tương đối thấp

B. Trung bình

C. Cao

D. Rất cao

**Câu 4:** Mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng

A. 1 triệu người

B. 1,5 triệu người

C. 2 triệu người

D. 2,5 triệu người

**Câu 5**: Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:

A. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.

B. Môi Trường, chất lượng cuộc sống.

C. Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.

D. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

**Câu 6:** Trong khu vực Đông Nam Á , tính đến năm 2002, dân số nước ta đứng vào hàng thứ mấy

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 7:** Dân số nước ta thuộc vào hàng các nước

A. Ít dân số trên thế giới

B. Trung bình dân số trên thế giới

C. Đông dân trên thế giới

D. Tăng chậm so với thế giới

**Câu 8**: Cho bảng số liệu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tỉ suất sinh (%)** | **Tỉ suất tử (%)** |
| 1979 | 32.5 | 19.9 |
| 1999 | 7.2 | 5.6 |
| 2005 | 18.6 | 5.3 |
| 2010 | 17.1 | 6.8 |
| 2016 | 16.0 | 6.8 |

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta có xu hướng:

A. Ngày càng giảm, đang ở mức thấp.

B. Ngày càng giảm, đang ở mức cao.

C. Ngày càng tăng, đang ở mức thấp.

D. Ngày càng tăng, đang ở mức cao.

## **B. PHẦN ĐÁP ÁN**

**PHẦN 1: THÔNG HIỂU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.A | 3.A | 4. | 5.C |
| 6.D | 7.D | 8.D | 9.A | 10.C |
| 11.B | 12.B | 13.A | 14.A | 15.B |

**PHẦN 2: NHẬN BIẾT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.B | 4.C | 5.D | 6.D |
| 7.B | 8.B | 9.B | 10.A | 11.A | 12.B |

**PHẦN 3: VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.B | 2.B | 3.B | 4.A | 5.A |
| 6.B | 7.D | 8.D | 9.A | 10.A |

**PHẦN 4: VẬN DỤNG CAO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.A | 2.B | 3.A | 4.A | 5.D | 6.C | 7.C | 8.B |